

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DSST
Ngày: 20- 02- 2020
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực
2. Bà Trần Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm .., thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1981

Đăng ký KHTT: Xóm.., thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

Hiện ở địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt chị B. Anh D có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:

Ngày 01/01/2013 anh Lê Văn D có vay chị số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 01/01/2013 đến ngày 01/7/2013 sẽ trả. Khi đến hạn trả nợ, chị đã nhiều lần đòi anh D nhưng anh D không trả. Tháng 12/2018 anh D trả cho chị được một phần tiền lãi là 3.460.000 đồng và anh D hứa đến tháng 01/2019 sẽ trả hết tiền nhưng cho đến nay anh D vẫn không trả.

Chị và anh D có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể lãi suất bằng văn bản. Tuy nhiên, anh D đã ghi trong sổ của anh D khoản tiền vay của chị với lãi suất là 100.000 đồng/10.000.000 đồng/ 01 tháng (tương đương lãi suất 1,0%/tháng) nên chị chấp nhận. Chị yêu cầu anh D phải trả tiền lãi suất của khoản vay là 1,0%/tháng tính từ ngày 01/01/2013 đến tháng 01/2020 là 85 tháng, cụ thể: 85 tháng x 100.000 đồng/tháng= 8.500.000 đồng. Đồi trừ khoản tiền lãi anh D đã trả là 3.460.000 đồng; Tiền lãi còn lại là 5.040.000 đồng.

Như vậy, chị yêu cầu anh D phải trả chị số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại là 15.040.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến thời điểm Tòa án giải quyết vụ án. Việc chị cho anh D vay tiền không liên quan đến chồng chị.

Bị đơn là anh Lê Văn D trong bản tự khai đã xác nhận vào ngày 01/01/2013 anh có vay chị B số tiền 10.000.000 đồng, có tính lãi, không có thời hạn và xuất trình trang sổ ghi lãi suất tương đương 1,0%/tháng. Cuối năm 2018 anh đã trả chị B số tiền lãi là 3.460.000 đồng. Do chưa có tiền nên anh đề nghị khi nào anh có tiền sẽ trả chị B cả gốc và lãi. Việc anh vay tiền chị B để chăn nuôi, không liên quan đến vợ anh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Buộc anh Lê Văn D có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền gốc và lãi là: 15.140.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Anh D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Văn D là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Lê Văn D phải trả số tiền gốc và lãi là: 15.040.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến thời điểm Tòa án giải quyết vụ án. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là văn bản ghi nợ có chữ ký của D. Anh D cũng đã xác nhận khoản vay này. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và tiền lãi tính từ 01/01/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 20/02/2020) là 86 tháng, cụ thể: 86 tháng x 100.000 đồng/tháng= 8.600.000 đồng. Đối trừ số tiền lãi anh D đã trả là 3.460.000 đồng; anh D phải trả tiền lãi còn lại là 5.140.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B đối với bị đơn anh Lê Văn D về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Buộc anh Lê Văn D phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và 5.140.000 đồng tiền lãi còn lại tính từ ngày 01/01/2013 đến

thời điểm xét xử sơ thẩm. Tổng cộng anh D phải trả chị B số tiền là 15.140.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Lê Văn D phải nộp 757.000 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Nguyễn Thị B số tiền 490.000 đồng (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005826 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng